

Globalisation, Networking, Urbanisation: Reflections on the Spatial Dynamics of the Information Age

Manuel Castells

Urban Studies, November 2010, 47:12, pp. 2737-2745.

Toàn cầu hóa, Kết nối, Đô thị hóa: Những phản ánh lên Tính Năng động không gian của Kỷ nguyên Thông tin

Manuel Castells¹

(tài liệu được nhận lần đầu, tháng 3 năm 2008; lần cuối, tháng 9 năm 2008)

Tóm tắt

Xã hội mạng là một xã hội toàn cầu vì các mạng lưới không có biên giới. Sự chuyển thể của không gian là một khía cạnh quan trọng của cấu trúc xã hội mới này. Quá trình toàn cầu hóa đô thị mà chúng ta đang trải qua vào đầu thế kỷ 21 được đặc thù bởi thông tin về một kiến trúc không gian mới trên hành tinh của chúng ta, được hình thành từ các mạng lưới toàn cầu nối kết các khu vực thành phố lớn chính và các khu vực ảnh hưởng của chúng. Do dạng mạng lưới của các sắp xếp lãnh thổ cũng bao hàm cấu trúc nội thành phố, nhiều biết của chúng ta về đô thị hóa hiện nay nên bắt đầu với việc nghiên cứu tính năng động mạng lưới trong các khu vực được bao hàm trong mạng lưới đó và những địa điểm bị loại trừ ra khỏi logic thống trị của hội nhập không gian quốc tế.

Xã hội mạng là một xã hội toàn cầu vì các mạng lưới không có biên giới. Sự chuyển thể của không gian là một khía cạnh quan trọng của cấu trúc xã hội mới này. Quá trình toàn cầu hóa đô thị mà chúng ta đang trải qua vào đầu thế kỷ 21 được đặc thù bởi thông tin về một kiến trúc không gian mới trên hành tinh của chúng ta, được hình thành từ các mạng lưới toàn cầu nối kết các khu vực thành phố lớn chính và các khu vực ảnh hưởng của chúng. Do dạng mạng lưới của các sắp xếp lãnh thổ cũng bao hàm cấu trúc nội thành phố, nhiều biết của chúng ta về đô thị hóa hiện nay nên bắt đầu với việc nghiên cứu tính năng động mạng lưới trong các khu vực được bao hàm trong mạng lưới đó và những địa điểm bị loại trừ ra khỏi logic thống trị của hội nhập không gian quốc tế.

Trong bài viết này, tôi sẽ tổng hợp các khía cạnh chính và các nguyên nhân đằng sau của tính năng động không gian của xã hội mạng lưới quốc tế trên cơ sở những phân tích trước đây và những bằng chứng được lựa chọn (Castells, 1989, 1999, 2000, 2004; Castel và các cộng sự, 2006; Hall và Pain, 2006; Dear, 2005, 2006; Graham, 2005; Sassen, 2006; Lim, 1998; Hackworth, 2005; Wolch và các cộng sự, 2004; Halle, 2003; Graham và Simon, 2001; Abu Lughod, 1999; Scott, 1998; Bora và Castells, 1997), phù hợp với những nghiên cứu được đưa ra trong Ấn bản Đặc biệt *Nghiên cứu Đô thị* này.

¹ Manuel Castells làm việc ở School of Communication, University of South California, Los Angeles, California 90089- 0281, USA. Email: castells@usc.edu

Đầu tiên, một dòng nghiên cứu được thực hiện trong vòng 2 thập niên qua trên khắp thế giới, chủ chiếu xây dựng trên truyền thống cũ của sinh thái học con người (human ecology) và đi theo con đường được tiên phong bởi tác phẩm của Harold Innis, đã chỉ ra mối tương tác gần gũi giữa chuyển thể kỹ thuật về xã hội và sự tiến hóa của các dạng không gian của nó (Scott, 2001; Sanyal, 2003; Graham, 2005; Mattos và các cộng sự, 2004; Hawley, 1950, 1951). Chúng ta biết rằng công nghệ không phải là nhân tố quyết định của sự tiến hóa này. Tuy nhiên, những thông tin dạng vi điện tử và công nghệ giao tiếp đã được chứng minh là hỗ trợ các mạng lưới số, mạng lưới hỗ trợ việc khuếch tán cấu trúc xã hội mới, với mạng lưới điện tử và máy điện hỗ trợ sự mở rộng của xã hội công nghiệp (Mitchell, 1999; Hughes, 1983). Chúng ta cũng biết rằng trong kỷ nguyên công nghệ thông tin và giao tiếp, ngược lại hẳn với những dự đoán của các nhà tương lai học, chúng ta không chứng kiến kết thúc của những thành phố hay sự hủy diệt của khoảng cách. Thay vì đó, chúng ta đang ở giữa con sóng đô thị hóa lớn nhất trong lịch sử loài người. Có sự tập trung ngày càng cao dân cư và các hoạt động vào các khu vực đô thị và ở một số khu vực thành phố lớn chính. Năm 2008, chúng ta kỳ vọng vượt qua ngưỡng 50% dân số thế giới sống ở các đô thị, tức là 3,3 tỷ người, theo Quỹ Dân số Liên Hiệp Quốc (UNPF) (2007), với hơn 1 tỷ người sống trong những khu lân chiêm, đặc biệt tại các khu vực đô thị lớn (Neuwirth, 2005). Những dự án từ báo cáo của UNPF ước lượng rằng số lượng người sống ở đô thị năm 2030 sẽ đạt 5 tỷ người, trong đó 81% được kỳ vọng sống ở các quốc gia đang phát triển, bao gồm 1/3 lượng người sống ở các khu ổ chuột. Đến năm 2030, đa số dân cư trên tất cả các lục địa, bao gồm châu Á và châu Phi, sẽ sống ở các khu đô thị. Nam Mỹ sẽ có 80% là đô thị và Châu Âu và Bắc Mỹ là gần 80%. Nhìn ra phía trước, với sự quá tải dân cư trong các xu hướng tăng trưởng dân số hiện nay tại các khu đô thị, tới giữa thế kỷ, có xu hướng khoảng $\frac{3}{4}$ cư dân toàn cầu sẽ là người dân sống ở đô thị. Tuy nhiên, đặc điểm quan trọng nhất của quá trình đô thị hóa toàn cầu đang ngày càng tăng này là chúng ta đang chứng kiến sự tăng trưởng của một dạng không gian mới, được gọi bằng nhiều tên tùy thuộc vào các quan điểm phân tích đa dạng. Tôi gọi nó là khu vực thành phố lớn để chỉ ra rằng đó là thành phố lớn (metropolitan) nhưng đó không phải khu vực thành phố lớn (metropolitant area), vì thông thường, có một vài khu vực thành phố lớn nằm trong đơn vị không gian này. Peter Hall và Kathy Pain (2006) gọi những khu vực này là các khu vực đại thành phố đa tâm trên cơ sở nghiên cứu thực nghiệm về sự thành phố hóa gần đây ở Tây Âu. Các thành phố lớn đa tâm, hay khu vực thành phố lớn, nổi lên từ hai quá trình gắn liền với nhau: phi trung tâm hóa mở rộng từ các thành phố lớn tới các khu vực liền kề và sự liên kết lẫn nhau của các khu phố đã tồn tại từ trước- các khu phố mà lãnh thổ của nó đã được hội nhập bởi các khả năng giao tiếp mới. Mô hình đô thị hóa này cùng lúc có đặc điểm mới và cũ. Theo cách nói của Hall và Pain:

Đây là dạng mới, nằm ở khoảng 10 và 15 thành phố và khu phố, tách rời nhau về mặt địa lý, nhưng kết nối về chức năng, tụ tập xung quanh một hay vài thành phố, tách biệt về không gian và thu hút sức mạnh kinh tế khổng lồ từ sự phân công lao động theo chức năng mới. Những địa điểm này tồn tại, cả dưới dạng các thực thể độc lập trong đó hầu hết người dân làm việc ở địa phương và hầu hết người lao động là cư dân địa phương... và với vai trò là một khu vực chức

năng được liên kết bởi các mạng lưới giao thông và các dòng xử lý thông tin bao gồm con người, sản phẩm, dịch vụ và thông tin (Hall và Pain, 2006, tr. 3).

Các cơ sở hạ tầng giao thông và giao tiếp số, bao gồm các hệ thống giao tiếp không dây, và hệ thống thần kinh của thành phố đa trung tâm (Rutherford, 2004). Tôi cũng bổ sung rằng trong hầu hết các trường hợp, với một vài ngoại lệ (ví dụ Toronto và Jakarta), không có tính đơn nhất về thể chế trong các khu vực thành phố lớn này, dẫn tới tính thiếu tin cậy về chính trị và quy hoạch hỗn loạn cho việc định cư của người dân.

Khu vực thành phố lớn này không chỉ là một dạng không gian với quy mô chưa từng có xét trên khía cạnh tập trung dân cư và hoạt động. Nó là một dạng mới vì nó bao gồm trong một đơn vị không gian các khu vực đô thị hóa và đất nông nghiệp, không gian mở và khu vực dân cư mật độ cao: có nhiều thành phố trong một khu vực nông thôn không liên tục. Đây là một thành phố lớn đa tâm không giống với sự tách biệt truyền thống giữa các thành phố trung tâm và các khu ngoại ô. Có nhiều hạt nhân với các kích cỡ và tầm quan trọng về chức năng khác nhau phân bố trên phạm vi lãnh thổ rộng lớn theo các đường giao thông. Đôi khi, như ở các khu vực thành phố lớn Châu Âu, hoặc California hay New York/New Jersey, những trung tâm này là những thành phố đã từng tồn tại trước đây được gắn lại với nhau trong khu vực thành phố lớn bằng các mạng lưới giao thông cao tốc và đường sắt, được bổ sung bằng các mạng lưới viễn thông và các mạng lưới máy tính. Đôi khi, trung tâm thành phố vẫn là trung tâm đô thị, giống như ở London, Paris, Barcelona. Thông thường, tuy nhiên, không có trung tâm thống trị hoàn toàn. Ví dụ, thành phố lớn nhất ở Vịnh Sanfrancisco không phải là San Francisco mà là San Jose. Tuy nhiên, San Fransico vẫn là địa điểm chính cho các dịch vụ cao cấp, trong khi cơ sở kinh tế chính của khu vực (Thung lũng Silicon) không nằm ở San Francisco hay San Jose, mà ở giữa. Trong những trường hợp khác, giống như ở Atlanta và Thượng Hải, những trung tâm mới (Bắc Atlanta, Pudong) bị hấp dẫn bởi tăng trưởng nhanh của khu vực thành phố dẫn tới việc tiếp đón việc kinh doanh, dịch vụ và dân cư bị hút về bởi tính năng động của sức hút (từ tính) của thành phố lớn. Trong tất cả các trường hợp, khu vực thành phố lớn được hình thành bởi một cấu trúc đa trung tâm (với các thức bậc khác nhau từ trung tâm), một sự phi tập trung hóa các hoạt động, dân cư và dịch vụ với việc sử dụng đất hỗn hợp, và ranh giới không rõ ràng về chức năng, yếu tố mở rộng lãnh thổ của dạng thành phố này tới bất kỳ nơi nào mạng lưới của nó bao phủ. Vào đầu thế kỷ 21 này, các khu vực thành phố lớn là một dạng đô thị phổ biến. Ở Mỹ vào năm 2005, Viện Đất đai Đô thị (Urban Land Institute) đã xác định 10 khu vực siêu thành phố đang cung cấp nơi ở cho 68% dân số Mỹ (trích bởi Hall và Pain, 2006). Tuy nhiên, các khu vực thành phố lớn nhất trên thế giới là Châu Á. Khu vực lớn nhất là khu vực được liên kết lỏng lẻo kéo dài từ Hong Kong tới Quảng Châu, nối liền các làng sản xuất châu thổ Sông Trân Châu (Pearl River Delta), thành phố Shenzhen đang bùng nổ, trên biên giới với Hong Kong, và các khu vực lân cận Zhuhai và Macau, mỗi khu vực đều có một nền kinh tế và chính thể khác biệt, hoàn toàn phụ thuộc lẫn nhau với các thành phần khác của khu vực thành phố lớn phía Nam Trung Quốc này, với dân số khoảng 50 triệu người. Các số liệu này báo trước một tương lai đô thị lớn ở Trung Quốc. Trong suốt những cuộc nói chuyện của tôi ở Bắc Kinh tháng 11 năm 2005, các quan chức quy hoạch

của Hội đồng Nhà nước báo cáo những quy hoạch của họ để tổ chức tăng trưởng thành phố lớn Trung Quốc tới năm 2020 thành 10 khu vực thành phố lớn với 50 triệu cư dân ở mỗi khu. Trên thực tế, khu vực Nam Trung Quốc đã đạt được quy mô đó và khu Thượng Hải Lớn năm 2007 là nơi ở của hơn 30 triệu người. Những khu vực thành phố lớn này sẽ tạo thành trái tim của đất nước Trung Quốc mới, ngày càng toàn cầu hóa, trung tâm sản xuất của thế giới trong thế kỷ 21. Những “thành phố” này không còn là những thành phố nữa, không chỉ về mặt khái niệm mà còn về mặt thể chế và văn hóa. Trên thực tế, chúng thậm chí còn chưa có tên. Tại nơi tôi đang sống, Los Angeles, người duy nhất gọi nơi này là Los Angeles là những du khách hoặc người thiểu số đang sống ở thành phố Los Angeles (khoảng 3,5 triệu), đối lập với phần còn lại cư dân ở khu thành phố lớn Nam California khoảng 20 triệu người trải dài từ Santa Barbara đến San Diego và Tijuana dọc biên giới, theo một dạng thẳng cánh được đô thị hóa nối liền nhau dọc bờ biển, và mở rộng khoảng 100 dặm vào đất liền (Wolch và các cộng sự, 2004). Đối mặt với sự không đặt tên gây nhiều phiền phức này, truyền thông Nam California đã tạo ra một cái tên cho thị trường TV liên kết này, được sử dụng vào lúc bắt đầu thông tin buổi tối “Tin tức địa phương. Từ Southland (vùng đất phía Nam)”. Cái tên Southland (phía Nam của cái gì?) là khu vực thành phố lớn chưa được đặt tên, nơi khoảng 20 triệu người sống, làm việc, di chuyển và giao tiếp thông qua việc sử dụng một mạng lưới đường cao tốc, phủ sóng truyền thông, các mạng cáp và không dây, trong khi giảm bớt về mặt chính thể của các khu vực lãnh thổ bị chia cắt và xác định các nền văn hóa đa dạng theo chủng tộc, tuổi, và các mạng lưới xã hội được tự định nghĩa. Do đó, Southland một định nghĩa về các ranh giới thể chế, văn hóa và địa lý, nhưng có tính thống nhất mạnh mẽ về kinh tế và chức năng.

Ở Châu Âu, Peter Hall và Kathy Pain (2006) đã xác định tính năng động của các thành phố lớn đa tâm tại 8 khu vực chính ở Châu Âu mà họ nghiên cứu. Điều họ phát hiện ra là tính bền bỉ của tính tập trung đô thị tại trung tâm của khu vực này, thay vì kết nối giữa các trung tâm đô thị khác nhau. Nói cách khác, có sự chuyên môn hóa theo cấp bậc của các chức năng giữ những trung tâm đô thị khác nhau. Cấu trúc không gian tổng thể là đa tâm và đồng thời cũng theo thứ bậc. Tuy nhiên, không có vùng mở rộng lộn xộn. Trên thực tế, vùng mở rộng ở khu dân cư ngoại ô truyền thống được quan sát bởi các nghiên cứu đô thị ở Mỹ vào những năm 1960- 1970 không còn là dạng thống trị ở các khu thành phố lớn Mỹ nữa. Quá trình định cư tại nhà riêng đã mở rộng ra các khu vực ngoại ô, trong khi rất nhiều khu ngoại ô đã trở thành các khu vực mật độ cao, đôi khi bị thống trị bởi các khu nhà cao tầng; và các hoạt động kinh tế đã phi tập trung hóa dọc các tuyến đường giao thông, do đó có một sự pha trộn các hoạt động ở các khu vực nằm bên ngoài, cùng với sự đa dạng hóa các chức năng tập trung đô thị. Khái niệm khu dân cư ngoại ô mở rộng như một dạng đô thị thống trị giờ đây đã lỗi thời. Ngày nay, chúng ta quan sát một sự tập trung được phân phối và một quá trình phi trung tâm hóa không gian đa chức năng. Những đặc điểm quan trọng là sự khuếch tán và liên kết của dân cư và các hoạt động trong khu vực thành phố lớn, cùng với sự tăng trưởng của các trung tâm khác nhau nối liền với nhau theo một thứ bậc của các chức năng chuyên môn. Tại sao lại thế? Đây là những lý do hình thành những khu vực thành phố lớn này??

Peter Hall và Kathy Pain đưa ra một giả thuyết chính, là một trong những chìa khóa để giải mã sự bí ẩn này, nhưng không phải là chiếc chìa khóa duy nhất. Trong một nền kinh tế tri thức, những dịch vụ cao cấp là yếu tố tạo nên tăng trưởng đô thị, của cải và quyền lực. Những dịch vụ cao cấp được tổ chức trên phạm vi quốc tế. Do đó, quốc tế hóa những dịch vụ cao cấp nằm ở trung tâm của tập trung hóa tại một số khu vực trên thế giới, các khu vực nòng cốt quả khả năng quản lý theo mạng lưới ở xã hội của chúng ta. Những dịch vụ cao cấp này đóng vai trò như nhân tố thúc đẩy tập trung đô thị, do chúng được tập trung tại những trung tâm mới hoặc cũ ở các thành phố chính của chúng ta. Những trung tâm dịch vụ cấp cao này được đặt tại những nơi được kết nối tốt về mặt giao thông và viễn thông và sở hữu một cơ sở mạnh để tạo ra tri thức và lao động chuyên nghiệp.

Đây rõ ràng là một nguyên nhân chủ yếu cho hiện tượng tập trung ở thành phố lớn, nhưng cũng có những nguyên nhân khác. Tôi sẽ bắt đầu với giả thuyết rằng đặc tính không gian cơ bản của xã hội mạng lưới là kết nối mạng lưới giữa địa phương và quốc tế. Kiến trúc sư quốc tế về các mạng lưới quốc tế liên kết các địa điểm một cách có lựa chọn, theo giá trị tương đối của mạng lưới đó. Nghiên cứu được đưa ra trong Sổ đặc biệt này, đặc biệt trong những nghiên cứu của Taylor và cộng sự của ông, Denise Pumain, Celine Rozenblat và những người khác, chứng minh tầm quan trọng của logic mạng lưới toàn cầu về tính tập trung của các hoạt động và dân cư tại các khu vực thành phố lớn. Điều này không có nghĩa là các khu vực thành phố lớn này được liên kết trên phạm vi quốc tế, mà có nghĩa những mạng lưới quốc tế, và giá trị mà nó sở hữu, cần được vận hành từ những điểm nối trong mạng lưới này. Không phải là các trung tâm tài chính ở London, Tokyo và Newyork đã tạo ra thị trường tài chính quốc tế bao gồm các hệ thống thông tin và mạng lưới máy tính. Chính thị trường tài chính quốc tế đã tái cơ cấu và làm mạnh lên những địa điểm trên, mới và cũ, địa điểm mà từ đó các dòng chảy tài chính được quản lý. Đó không phải là những thành phố quốc tế, nhưng các mạng lưới quốc tế đã cấu trúc và thay đổi các khu vực nhất định của một số thành phố qua những mạng lưới của nó. Cuối cùng thì, hầu hết thành phố New York (ví dụ, Queens), Tokyo (ví dụ Kunitachi) hay London (là Hampstead hay Brixton) đều rất địa phương, ngoại trừ dân nhập cư. Các chức năng quốc tế của một vài khu vực ở một vài thành phố được quyết định bởi liên kết của họ tới các mạng lưới quốc tế liên quan tới việc tạo ra giá trị, giao dịch tài chính, chức năng quản lý hay các chức năng khác. Và từ những điểm nối này, thông qua việc vận hành các dịch vụ cao cấp, cơ sở hạ tầng và kinh tế mở rộng ra khu vực thành phố lớn. Do đó tính năng động luôn thay đổi của các mạng lưới, và của mỗi mạng lưới cụ thể, giải thích cho mối liên kết tới những địa điểm nhất định, thay vì những địa điểm đó giải thích cho sự phát triển của những mạng lưới này. Các điểm liên kết trong kiến trúc quốc tế về các mạng lưới này là các điểm hấp dẫn tài sản, quyền lực, văn hóa, đổi mới và con người, sáng tạo hoặc không sáng tạo, tới những nơi này.

Do những địa điểm này sẽ trở thành những điểm nối của các mạng lưới quốc tế, chúng cần phụ thuộc vào tính liên kết cơ sở hạ tầng đa diện: giao thông đa dạng bằng hàng không, đường bộ và đường biển; các mạng lưới viễn thông; các mạng lưới máy tính; các hệ thống thông tin cao cấp; và toàn bộ cơ sở hạ tầng của dịch vụ phụ thuộc (từ kế toán và an ninh tới khách sạn và giải trí)

đều cần thiết cho sự vận hành của điểm nối này (Kiyoshi và các cộng sự, 2006). Mỗi nhân tố trong cơ sở hạ tầng trên đều cần được phục vụ bởi nhân sự có kỹ năng cao, những người mà nhu cầu của họ phải được cung cấp bởi những người cung cấp dịch vụ. Đây là những nhân tố cần thiết cho sự tăng trưởng của khu vực thành phố lớn. Các địa điểm tri thức và mạng lưới giao tiếp là những nhân tố không gian hấp dẫn với nền kinh tế thông tin do những địa điểm nguồn lực tự nhiên và các mạng lưới phân phối quyền lực được quyết định theo vị trí địa lý của nền kinh tế công nghiệp. Và điều này đúng đối với London, Mumbai, Sao Paolo hay Johannesburg. Mỗi quốc gia đều có (những) điểm nối chính giúp kết nối quốc gia đó với các mạng lưới toàn cầu chiến lược. Những điểm nối này là nền tảng của sự hình thành các khu vực thành phố lớn giúp quyết định cấu trúc không gian toàn cầu/địa phương của mỗi quốc gia thông qua việc kết nối nội bộ, đa lớp của nó. Bên ngoài khu vực hình thành giá trị được kết nối là các không gian ngoại lệ, hay “các cảnh vật tuyệt vọng” (Dear và Wolch), hoặc nội thành phố lớn, hoặc ở nông thôn.

Tại sao những mạng lưới toàn cầu được kết nối qua những điểm nối này lại cần được đặt ở một số khu vực thành phố lớn cụ thể? Tại sao việc xử lý các hoạt động có tính trừu tượng cao không thể tự giải phóng nó khỏi những hạn chế không gian? Ở đây, chúng ta có thể sử dụng những mô hình giải thích truyền thống (Castells, 1989; Sassen 1991). Điều quan trọng tại địa điểm cung cấp dịch vụ cao cấp này là mạng lưới nhỏ của các quy trình ra quyết định cấp cao, dựa trên các mối quan hệ mặt đối mặt, được kết nối với một mạng lưới vĩ mô thực hiện quyết định, dựa trên các mạng lưới giao tiếp điện tử. Nói cách khác, gặp gỡ mặt đối mặt nhằm thực hiện các thỏa thuận tài chính hay thỏa thuận chính trị vẫn là không thể tránh được, đặc biệt khi có nhu cầu thận trọng đặc biệt trong trường hợp các quyết định tạo ra lợi thế cạnh tranh. Trong những quyết định địa phương về các chức năng quản lý của các công ty kinh doanh, nhân tố vô hình vẫn sẽ tiếp cận với các mạng lưới vĩ mô được đặt tại một số địa điểm được lựa chọn, trong cái mà tôi gọi là “các bối cảnh” (Castells, 1989). Chúng có thể là các bối cảnh tài chính (ví dụ, New York, London, Tokyo; Sassen, 1991) nhưng cũng có thể là công nghệ, như Thung lũng Silicon (Saxenian, 1994), hay liên quan tới truyền thông, như Los Angeles và New York (Abrahamson, 2004). Các quá trình ra quyết định và đổi mới diễn ra trong quá trình giao tiếp mặt đối mặt, và các quá trình này vẫn cần có một không gian chung.

Điều quan trọng là những điểm nối này tương tác ở mức toàn cầu, ngay lập tức hoặc vào thời điểm lựa chọn ở mọi nơi trên hành tinh. Do đó mạng lưới thực thi quyết định này là một mạng lưới điện tử vĩ mô toàn cầu. Trong khi đó, mạng lưới ra quyết định và hình thành sáng kiến, ý tưởng và đổi mới là một mạng lưới vĩ mô được vận hành bởi giao tiếp mặt đối mặt được tập trung ở một số địa điểm nhất định. Kiến trúc không gian này cùng lúc giải thích tính tập trung của một số địa điểm thành phố lớn và tính lan tỏa dưới dạng mạng lưới: không gian của các địa điểm và không gian của các dòng chảy. Khi cơ chế này được xác định, mọi yếu tố khác sẽ được giải thích: sự tập trung của các dịch vụ phụ thuộc, cơ sở hạ tầng giao tiếp phát triển ở địa điểm này và không phát triển ở các địa điểm khác, sự hấp dẫn tài năng, các điều kiện sống dễ chịu đối với những người tạo ra giá trị...

Các cơ sở hạ tầng giao tiếp là các nhân tố quyết định trong quá trình hình thành các thành phố lớn, nhưng chúng không phải là nguồn gốc của quá trình này. Cơ sở hạ tầng của giao tiếp phát triển vì có thông tin nào đó cần được giao tiếp. Chính nhu cầu chức năng này kêu gọi sự phát triển các cơ sở hạ tầng. Các khu vực tạo ra giá trị đưa ra những cơ hội lớn hơn và dịch vụ tốt hơn, và lời mời này thu hút những chuyên gia tài năng và sáng tạo. Và vì có tiền, ở đó có một thị trường thịnh vượng và có nhiều thú vị về văn hóa, cơ sở giáo dục và dịch vụ y tế hơn, và do đó, việc làm vẫn là nguồn cơ bản của tăng trưởng đô thị. Do các cơ hội việc làm hấp dẫn ở mức độ toàn cầu, những khu vực thành phố lớn này cũng trở thành nơi có nhiều người nhập cư. Chúng phát triển như những địa điểm đa chủng tộc và thiết lập các kết nối quốc tế không chỉ ở cấp độ tương tác kinh tế và chức năng, mà còn ở cấp độ các mối quan hệ liên nhân- các mạng lưới và con người, được khái niệm hóa là “chủ nghĩa xuyên quốc gia từ dưới lên” bởi Michael Smith và Luis Guarnizo (1998).

Ở điểm bắt đầu của quá trình hình thành thành phố lớn tồn tại khả năng tập trung sản xuất các dịch vụ, tài chính, công nghệ, thị trường và con người. Và điều này tạo ra hiệu quả kinh tế theo quy mô, như trong các dạng trước đây của đô thị hóa, cũng như hiệu quả kinh tế do trợ lực, yếu tố quan trọng nhất ngày nay. Hiệu quả kinh tế do trợ lực không gian có nghĩa là ở cùng một nơi, và nơi đó tồn tại tương tác tiềm năng với các đối tác giá trị, tạo ra khả năng bổ sung giá trị như kết quả của việc đổi mới được tạo ra bởi tương tác này. Hiệu quả kinh tế theo quy mô có thể được chuyển thể bởi công nghệ thông tin và giao tiếp trong logic không gian của nó. Các mạng lưới điện tử cho phép sự hình thành của các dây chuyền sản xuất quốc tế. Sản xuất phần mềm có thể được phân bố về mặt không gian và được phối hợp bởi các mạng lưới giao tiếp. Mặt khác, hiệu quả kinh tế do trợ lực vẫn yêu cầu sự tập trung tương tác liên nhân về không gian do giao tiếp vận hành trên một băng truyền rộng hơn nhiều so với giao tiếp số từ khoảng cách xa. Đây là lý do tại sao nghiên cứu khoa học vẫn được tập trung vào các trường đại học trên thế giới, cùng lúc, những trường đại học không thể vận hành mà không liên kết với mạng lưới *world wide web* của khoa học.

Trong kỷ nguyên thông tin, và sáng chế, các thành phố hơn bao giờ hết vẫn là những địa điểm tạo ra giá trị và cơ sở vật chất của quyền lực, sản xuất văn hóa và lựa chọn xã hội (Hall, 1998). Chất lượng cuộc sống không liên quan gì tới điều này. Các khu ngoại ô Thung lũng Silicon xanh là những địa điểm sống buồn chán xét trên quan điểm của một người New York chính hiệu hay người Paris thủ cựu. Tuy nhiên, đó là nơi hầu hết sáng tạo công nghệ diễn ra và nơi tất cả các cơn sóng sáng tạo công nghệ chủ yếu đã diễn ra trong vòng 50 năm qua. Các kỹ sư ở Thung lũng Silicon không thường xuyên đến các quán rượu của San Francisco. Họ ít khi có thời gian đến các quầy rượu ở Thung lũng Silicon. Vậy tại sao họ lại ở đó? Bởi vì chất lượng cuộc sống? Bởi vì cuộc sống về đêm? Không, vì họ bị hấp dẫn bởi công việc của mình, họ hào hứng bởi sự sáng tạo của bản thân và họ sung sướng trước khả năng tiếp cận được tới sáng tạo mới. Những thành phố trở nên hấp dẫn chỉ khi người ta có quyền lực và tiền để tạo ra những xu hướng đó.

Giờ đây, quan sát quan trọng nhất về mặt chiến lược nhằm phân tích dưới dạng các mạng lưới không gian là những mạng lưới toàn cầu này không có đặc điểm địa lý giống nhau, và chúng

thường không có các điểm nút chung. Mạng lưới sáng tạo trong công nghệ thông tin và giao tiếp- ví dụ, Thung lũng Silicon- không giống như mạng lưới tài chính, ngoại trừ mạng lưới tư bản doanh nghiệp thường xuyên bắt nguồn từ bên trong ngành công nghiệp công nghệ cao. Các cơ quan chính trị, quốc gia và quốc tế, xây dựng các địa điểm không gian và mạng lưới quyền lực riêng của họ. Đó là lý do tại sao rất nhiều người ngạc nhiên bởi thất bại của những dự án hướng tới việc phát triển Thung lũng Silicon mới quanh một trường đại học mới. Hoạt động nghệ thuật cũng có mạng lưới riêng của nó, dịch chuyển thường xuyên, phụ thuộc vào các lĩnh vực nghệ thuật và phong trào thời trang. Nền kinh tế tội phạm quốc tế (chiếm 5% GDP toàn cầu) được xây dựng trên mạng lưới riêng của nó với các điểm nút thường không trùng hợp với những điểm nút của sáng tạo công nghệ hay tài chính. Việc quản lý buôn lậu thuốc phiện thường ở các nơi như Medellin, Bogota, Mexico, Miami, Bangkok, Kabul và Amsterdam, hầu hết trong số đó là các điểm nút thứ cấp cho các mạng lưới chính khác.

Do đó, vẫn có một sự chông chéo nhiều tầng của các mạng lưới toàn cầu trong các hoạt động chiến lược quan trọng giúp cấu trúc và phá hủy hành tinh. Khi những mạng lưới đa tầng này chông chéo ở một vài điểm nút, khi có một điểm nút thuộc những mạng lưới khác, hai kết quả chính xảy ra. Đầu tiên, hiệu quả kinh tế do hiệp lực giữ những mạng lưới khác nhau này diễn ra tại điểm đó- ví dụ, giữa các thị trường tài chính và kinh doanh truyền thông, hay giữa nghiên cứu hàn lâm và phát triển công nghệ và sáng tạo, hay giữa chính trị và truyền thông. Thêm vào đó, do những mạng lưới đa lớp này được đặt ở những địa điểm cụ thể, và rất nhiều mạng lưới chia sẻ một điểm nút ở những nơi đó, những địa phương này trở thành các nút lớn: chúng trở thành các điểm nút trung chuyển cho toàn bộ hệ thống quốc tế, liên kết nhiều mạng lưới. London và New York là những trường hợp điển hình của lợi thế điểm nút đa dạng này. Boston chưa đạt được mức độ tương tự vì, kể cả nếu nó là điểm nút thống trị về nghiên cứu hàn lâm và một điểm nút quan trọng trong sáng tạo công nghệ (đặc biệt trong công nghệ sinh học), nó chỉ là điểm nút thứ cấp trong các mạng lưới tài chính và là hỗ trợ cho các mạng lưới khác trên một số khía cạnh quan trọng về sự giàu có và quyền lực. Đây cũng là lý do tại sao ở Trung Quốc, có một sự phân biệt rõ ràng giữa Bắc Kinh và Thượng Hải xét trên các nút và vai trò đặc thù mà chúng đóng trong kiến trúc toàn cầu: Bắc Kinh tập trung vào chính trị, tài chính, khoa học và công nghệ; trong khi Thượng Hải tập trung vào các mạng lưới tài chính và thương mại toàn cầu.

Những điểm nút lớn này không phải là các thành phố toàn cầu. Chúng chỉ đơn thuần là các khía cạnh đô thị của các mạng lưới toàn cầu đa lớp, là một vấn đề khác. Nói cách khác, để hiểu được tính năng động và ý nghĩa của điểm nút, chúng ta phải bắt đầu với việc phân tích mỗi mạng lưới và tương tác của nó khi được hỗ trợ bởi sự hội tụ không gian của nó. Tuy nhiên, mỗi điểm nút lớn đều trở thành nhân tố hấp dẫn tư bản, lao động và sáng tạo. Đây là nơi xung đột nổi lên. Một điểm nút lớn hấp dẫn các nguồn lực và tích tụ các cơ hội nhằm tăng của cải và quyền lực. Cùng lúc đó, do ít khi nó có tồn tại thể chế hay năng lực chính trị của việc ra quyết định cùng lúc như khu vực thành phố lớn, nó khó có thể áp dụng các chính sách tái phân phối thay cho những nhu cầu của địa phương. Do thiếu các nhu cầu xã hội chủ động và các phong trào xã hội, điểm nút lớn áp dụng logic quốc tế thay vì địa phương. Kết quả rỗng của quá trình này là sự cùng tồn tại

của chủ nghĩa năng động của thành phố lớn tình trạng ngoài lề của thành phố lớn, được biểu hiện bởi sự tăng đột biến của việc định cư lấn chiếm trên khắp thế giới và sự dai dẳng của các khu ổ chuột tổng *banlieus* ở Paris và các thành phố nội địa Mỹ. Có một xung đột ngày càng tăng giữa không gian dòng chảy và không gian địa điểm. Những điểm nút lớn này tập trung ngày càng nhiều của cải, quyền lực và sáng tạo trên hành tinh. Cùng lúc, ít người trên thế giới (thực ra làm 13% theo Điều tra Các giá trị Toàn cầu (World Values Survey) chia sẻ đặc điểm với văn hóa toàn cầu, toàn thế giới đã phổ biến quanh các mạng lưới toàn cầu và được sùng bái bởi giới tinh hoa tại các điểm nút lớn. Ngược lại, 47% nhân loại cảm nhận một đặc điểm địa phương hoặc khu vực mạnh mẽ. Do đó, các mạng lưới toàn cầu liên kết một số khía cạnh cuộc sống con người và loại trừ một số khía cạnh khác bất kể mong muốn chủ quan của những nhân tố trong đó là gì. Mỗi quan hệ xung đột giữa ý nghĩa và quyền lực được biểu hiện bởi sự tan ra ngày càng tăng giữa không gian dòng chảy và không gian địa điểm. Có những địa điểm trong không gian dòng chảy và có những dòng chảy trong không gian địa điểm, nhưng ý nghĩa được hiểu theo thuật ngữ địa điểm, trong khi về chức năng, sự giàu có và quyền lực được định nghĩa theo thuật ngữ các dòng chảy. Và đây là xung đột cơ bản nhất xuất hiện trong thế giới được kết nối, đô thị hóa và toàn cầu hóa của chúng ta.

Tài liệu tham khảo

- Abrahamson, M. (2004) *Global Cities*. Oxford: Oxford University Press.
- Abu-Lughod, I. (1999) *New York. Chicago, Los Angeles: America's Global Cities*. Minneapolis, MN: University of Minnesota Press.
- Borja, J. and Castells, M. (1997) *Local and Global: The Management of Cities in the Information Age*. London: Earthscan.
- Broudehoux, A. M. (2004) *The Making and Selling of Post-Mao Beijing*. London: Routledge.
- Castells, M. (1989) *The Informational City* Oxford: Blackwell.
- Castells, M. (1999) *The culture of cities in the information age*. Paper presented at the the US Library of Congress Conference on *Frontiers in the Mind in the Twenty-first Century*, Washington, DC, June [published in I. Susser (Ed.) (2002) *The Castells Reader on Cities and Social Theory*, pp. 367-389. Oxford: Blackwell].
- Castells, M. (2000) *The Rise of the Network Society*, 2nd edn. Oxford: Blackwell.
- Castells, M. (2004) *The Power of identity*, 2nd edn. Oxford: Blackwell.
- Castells, M. and Hall, R (1994) *Technopoles of the World*. London: Routledge.
- Castells, M., Eernandcz-Ardevol, M., Qiu, J. L. and Sey, A. (2006) *Mobile Communication and Society: A Global Perspective*. Cambridge, MA: MIT Press.
- Dear, M. (2005) Comparative urbanism. *Urban Geography*, 28(5), pp. 247-251.
- Dear, M. (2006) *Critical responses to the Los Angeles school of urbanism*. Paper presented at the 2006 meeting of the Association of American Geographers, Chicago, IL.
- Graham, S. (Ed.) (2005) *Cybercities: A Reader*. London: Routledge.
- Graham, S. and Simon, M. (2001) *Splintering Urbanism: Networked infrastructure, Technological Mobilities and the Urban Condition*. London: Routledge.
- Hackworth, J. (2005) Emergent urban forms or emergent post-modernisms? A comparison of large US metropolitan areas, *Urban Geography*, 26(6), pp. 484-319.

Hall, P (1998) *Cities and Civilization*. New York: Pantheon Books.

Hall, R and Pain, K. (2006) *The Polycentric Metropolis*. London: Earthscan.

Halle, D. (Ed.) (2003) *New York and Los Angeles: Politics, Society and Culture*. Chicago, IL: University of Chicago Press.

Hawley, A. (1950) *Human Ecology*. New York: Free Press.

Hawley, A. (1956) *The Changing Shape of Metropolitan America*. New York: Free Press.

Hughes, T. (1983) *Networks of Power: Electrification in Western Society 1880-1930*. Baltimore, MD: The Johns Hopkins University Press.

Innis, H. (1950) *Empire and Communication*. Oxford: Oxford University Press.

Innis, H. (1951) *The Bias of Communication*. Toronto: University of Toronto Press.

Kiyoshi, K., Lakshmanan, T R. and Anderson, W. R (2006) *Structural Changes in Transportation and Communication in the Knowledge Society* Northampton, MA: Edward Elgar.

Kwok, R.Y.W. (2005) *Globalizing Taipei*. London: Routledge.

Lim, W. (1998) *Asian New Urbanism*. Singapore: Select Books.

Lu, D. (2006) *Remaking the Chinese Urban Form*. London: Routledge.

Mattos, C. de, Figueroa, O., Bannen, P. and Campos, D. (Eds) (2004) *Santiago en PURE: Huellas de una metamorfosis metropolitana, 1970/2000*. Santiago de Chile: Instituto de Estudios Urbanos y Territoriales, Universidad Catolica de Chile.

Mitchell, W. (1999) *E-topia*. Cambridge, MA: MIT Press.

Neuwirth, R. (2005) *ShadowCity: A Billion Squatters: A New Urban World*. New York: Routledge.

Rutherford, J. (2004) *A Tale of Two Global Cities: Comparing the Territorialities of Telecommunications Developments in Paris and London*. Aldershot: Ashgate.

Sanyal, B. (Ed.) (2003) *Comparative Planning Cultures*. Cambridge, MA: MIT Press.

Sassen, S. (1991) *The Global City: London, New York, Tokyo*. Princeton, NJ: Princeton University Press.

Sassen, S. (2006) *Territory, Authority, Rights: Front Medieval to Global Assemblages*. Princeton, NJ: Princeton University Press.

Saxenian, A. L. (1994) *Regional Advantage*. Cambridge, MA: Harvard University Press.

Schneider, I. and Susser, I. (Eds) (2003) *Wounded Cities*. New York: Berg.

Scott, A. (1998) *Regions and the World Economy*. Oxford: Oxford University Press.

Scott, A. (Ed.) (2001) *GlobalCity-regions: Trends. Theory, Policy*. Oxford: Oxford University Press.

Smith, M. P and Guarnizo, L. E. (Eds) (1998) *Transnationalism from Below*. New Brunswick, NJ: Transaction Publishers.

Suketu, M. (2004) *Maximum City: Bombay Lost and Found*. Delhi: Penguin.

UNFPA (United Nations Population Fund) (2007) *State of World Population 2007: Unleashing the Potential of Urban Growth*. New York: United Nations.

Wolch, J., Pastor, M. and Dreier, R (Eds) (2004) *Up Against Sprawl: Public Policy in the Making of Southern California*. Minneapolis, MN: University of Minnesota Press.